

Số: 511 /TBMCG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 9 năm 2026

Biểu mẫu B02.QT03/SGN-PTC

THÔNG BÁO MỜI CHÀO GIÁ

Về việc: “Thay thế máy lạnh Daikin âm trần Q7 (AC-AT-03) công suất 10HP (công suất lạnh 92.500Btu/h) khu vực tầng 1 nhà ga T1 Quốc nội”

Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam-CTCP/Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất tổ chức mời chào giá rộng rãi gói thay thế máy lạnh Daikin âm trần Q7 (AC-AT-03) công suất 10HP (công suất lạnh 92.500Btu/h) khu vực tầng 1 nhà ga T1 Quốc nội.

Đề nghị các cơ quan, đơn vị quan tâm nghiên cứu và gửi Hồ sơ chào giá theo các yêu cầu sau đây:

1. Yêu cầu về hồ sơ chào giá:

- **Yêu cầu đối với hàng hóa/dịch vụ:** Yêu cầu chào đúng hàng hóa với quy cách, số lượng như sau:

STT	Tên, quy cách hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng
1	Máy điều hòa nhiệt độ tủ đứng, loại inverter: - Công suất lạnh 99.000Btu/h (28,9 kW) - Điện áp dàn lạnh: 3 pha 380-415V, 50Hz - Điện áp dàn nóng: 3 pha 380-415V, 50Hz - Sử dụng môi chất lạnh: R410A - Lưu lượng gió dàn lạnh (H/M/L): 75/66/52 m3/phút. - Model: FVGR250QV1/RZUR250QY1 - Nhãn hiệu Daikin (hoặc tương đương)	Bộ	1
2	Chi phí vận chuyển máy điều hòa nhiệt độ tủ đứng đến vị trí lắp đặt: dàn nóng lắp đặt tại tầng mái, dàn lạnh lắp đặt tại tầng 1 nhà ga T1 Quốc nội (bao gồm chi phí thủ tục an ninh, phương tiện, chi phí phát sinh khác).	Chuyển	1
3	Chi phí hộ tổng giám sát bảo đảm an ninh hàng không theo nghị định 215/2026/NĐ-CP (nhóm 9 người / giờ làm việc)	Giờ	16
4	Gas R410A (Chemours Mỹ; 11,35kg/bình, hoặc tương đương)	Bình	1
5	Ống cách nhiệt ID9,5mm x 25mm x 2m (loại không xẻ rãnh, hiệu Thermobreak LS Sekisui hoặc tương đương)	Ống	3

6	Ống cách nhiệt ID22,2mm x 25mm x 2m (loại không xẻ rãnh, hiệu Thermobreak LS Sekisui hoặc tương đương)	ống	14
7	Ống cách nhiệt ID33,4mm x 10mm x 2m (loại không xẻ rãnh, hiệu Thermobreak LS Sekisui hoặc tương đương)	ống	3
8	Băng keo nhôm 50m x50mm (hiệu Thermobreak LS Sekisui hoặc tương đương)	cuộn	3
9	Keo dán cách nhiệt Aeroseal (700gram/lon) (hoặc tương đương)	lon	2
10	Ống đồng Ø22,2x1,02x2,9m (2,9m/cây, hiệu Hailiang) - hoặc tương đương	cây	10
11	Co ống đồng Ø22,2mm dày 1mm	cái	15
12	Nối ống đồng Ø22,2mm dày 1mm (nối hàn)	cái	20
13	Khớp nối ống đồng Shuring (hoặc tương đương) 3/8" + ống lót (loại không hàn)	cái	3
14	Khớp nối ống đồng Shuring (hoặc tương đương) 7/8"mm + ống lót (loại không hàn)	cái	5
15	Que hàn bạc Harris 0%	kg	1
16	Keo dán ống nhựa (200gr/lon, Bình Minh) (hoặc tương đương)	lon	1
17	Ống nhựa PVC-U Ø34mm (4mét/cây, Bình Minh) (hoặc tương đương)	mét	8
18	Nối nhựa PVC-U Ø34D (Bình Minh) (hoặc tương đương)	cái	3
19	Co nhựa 90 độ PVC-U Ø34D (Bình Minh) (hoặc tương đương)	cái	5
20	Co nhựa 45 độ PVC-U Ø34D (Bình Minh) (hoặc tương đương)	cái	10
21	Tê nhựa 45 độ PVC-U Ø34D (Bình Minh) (hoặc tương đương)	cái	2
22	Máng tôn tráng kẽm dày 1,15mm, kích thước 200x100mm (bao gồm nắp, nối máng, bu lông nối máng)	mét	5
23	Sắt U65x35x4mm (mạ kẽm-3m/cây)	cây	3
24	Sắt V50x50x5mm (mạ kẽm-3m/cây)	cây	3
25	Sắt U đục lỗ 41Wx41H (mạ kẽm-3m/cây)	cây	3
26	Que hàn sắt KOBE; 2,6x350mm (2,5kg/hộp)	hộp	1
27	Que hàn sắt KOBE; 3,2x400mm (5kg/hộp)	hộp	1
28	Ty treo ren suốt M10 (2mét/cây)	cây	10
29	Gas mini Inox Namilux (250g/lon)	lon	10
30	Tắc kê đạn M10 (50con/hộp)	hộp	1
31	Đai ốc M10 (tán M10, 100cái/bịch)	bịch	1

32	Vòng đệm M10 dày 2mm (100cái/bịch)	bịch	2
33	Bu lông mạ kẽm M10x60mm (100cái/bịch)	bịch	1
34	Silicon Apollo A300	tuýp	5
35	Keo Sikaflex PRO-3 (600ml)	cây	5
36	Găng tay đa dụng 3M NBR, size M	đôi	20
37	Sơn mạ kẽm ZG151 (2,0 kg/lon) (hoặc tương đương)	lon	1
38	Vít cấy đuôi cá 4,2x13 Patta (1000con/bịch)	bịch	1
39	Vít cấy Inox 410 (đầu lục giác) M5,5x25 (100con/bịch)	bịch	2
40	SikaGrout GP (25kg/bao)	bao	3
41	Dây rút inox, KT: 300x4,6mm (100 cái/bịch)	bịch	1
42	Mũi vít hai đầu PH2 Makita D-34833 110mm (hoặc tương đương)	bộ	2
43	Đầu bắn tôn phi 6mm Maktia B-38912 (hoặc tương đương)	cái	5
44	Đầu bắn vít tôn 8mm Bosch 2608522351 (hoặc tương đương)	cái	5
45	Đầu bắn vít tôn 10mm Bosch 2608522352 (hoặc tương đương)	cái	5
46	Đầu bắn vít tôn 13mm Bosch 2608522353 (hoặc tương đương)	cái	5
47	Đá cắt 100mm x1,2mm x16mm - 2608600266 (Bosch) (hoặc tương đương)	cái	30
48	RCCB 4P 40A 30mA (P/N: A9R71440) - Schneider hoặc tương đương	cái	1
49	RCBO 2P 10A 30mA 6kA (P/N: A9D31610) - Schneider hoặc tương đương	cái	1
50	Cáp CVV-3x2,5mm ² – Cadivi (hoặc tương đương)	mét	70
51	Cáp DVV/Sc-3x1,5mm ² – Cadivi (hoặc tương đương)	mét	55
52	Cáp mềm VCm-6mm ² (Màu đen) – Cadivi (hoặc tương đương)	mét	12
53	Ống PVC D20 - SP (2,92 mét/cây) (hoặc tương đương)	cây	28
54	Khớp nối trơn PVC D20 – SP (hoặc tương đương)	cái	30
55	Đầu nối + Khớp nối vắn răng PVC D20 – SP (hoặc tương đương)	cái	6
56	Kẹp PVC D20 – SP (hoặc tương đương)	cái	40
57	Ống mềm PVC D20 (50 mét/cuộn) – SP (hoặc tương đương)	mét	15
58	Kẹp kim loại cố định ống PVC D20 lên ty treo (P/N: PTO19) - Cát Vạn Lợi (hoặc tương đương)	cái	40
59	Mũi khoét Ø22 - JMG (Nhật) (hoặc tương đương)	cái	1

60	Băng keo điện - Nano	cuộn	2
61	Đầu cosse đúc 6mm ²	cái	8
62	Bọc đầu cosse đúc 6mm ² (04 màu: đỏ, vàng, xanh, đen)	cái	8
63	Đầu cosse chia 2,5mm ² (50 con/bịch)	bịch	1
64	Đầu cosse chia 1,5mm ² (50 con/bịch)	bịch	1

Yêu cầu chất lượng, kỹ thuật hàng hóa:

- Hàng hóa đáp ứng thông số kỹ thuật theo yêu cầu, nếu chào loại tương đương thì phải là loại có đặc tính kỹ thuật tương tự, có tính năng sử dụng tương đương và kèm tài liệu kỹ thuật chứng minh.
- Thiết bị mới 100%, sản xuất năm 2025 trở về sau.
- Máy lạnh có chứng nhận xuất xứ (CO), chứng nhận chất lượng (CQ) đối với máy lạnh nhập khẩu (sao y chứng thực).
- Gas lạnh R410A có chứng nhận xuất xứ (CO), chứng nhận chất lượng, phiếu an toàn hóa chất SDS (sao y chứng thực).
- Thời gian bảo hành: Bảo hành chính hãng 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu hàng hóa.
- **Thời gian, địa điểm giao hàng/thực hiện dịch vụ:** 08 tuần kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.
- **Giá:** đề nghị chào giá hàng hóa trọn gói, đã bao gồm toàn bộ chi phí, thuế GTGT. Đồng tiền chào giá, thanh toán: VNĐ.
- **Thanh toán:** Đề nghị chào giá chi tiết phương thức thanh toán. Điều kiện tạm ứng không chấp nhận > 20% giá trị hợp đồng.
- **Hiệu lực Hồ sơ chào giá:** 45 ngày kể từ ngày 5 /10/2026. Báo giá do nhà cung cấp chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:
 - Đơn chào hàng theo Mẫu 01;
 - Biểu giá theo Mẫu 02a, 02b;
 - Các nội dung cần thiết khác:
 - Giấy phép đăng ký kinh doanh còn hiệu lực.
 - Tài liệu kỹ thuật hàng hóa để chứng minh đáp ứng yêu cầu
 - Số lượng hồ sơ chào giá: 01 bản gốc và 02 bản chụp

Hồ sơ chào giá phải được ký bởi đại diện có thẩm quyền cơ quan, đơn vị và đóng dấu (nếu có)

2. Thời hạn, địa điểm gửi hồ sơ chào giá:

- Thời hạn gửi hồ sơ chào giá: trước 10 giờ 00 ngày 5 /10/2026.
- Phương thức gửi hồ sơ chào giá: gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ nhận hồ sơ chào giá.
- Địa điểm nhận hồ sơ chào giá:
 - ✓ Địa chỉ: Phòng Kế hoạch - Đầu tư (P.219) – Tòa nhà Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất, phường Tân Sơn Hòa, Tp. Hồ Chí Minh.
 - ✓ Fax, email: luong.h.0309@gmail.com

3. Thông tin liên hệ:

- Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất – Chi nhánh Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam-CTCP
- Phòng Kế hoạch – Đầu tư (P.219)
- Tel: 083.8485.383- Ext: 3141
- Người liên hệ: Ms Quỳnh Hoa.

4. Yêu cầu đối với nhà cung cấp:

- Có đăng ký doanh nghiệp/đăng ký hoạt động hợp pháp.
- Không đang tranh chấp, khiếu kiện, xung đột quyền lợi với Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam-CTCP. *Đau*

Đại diện hợp pháp của chủ đầu tư



Đặng Ngọc Cường

BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên hạng mục mua sắm: _____ [Ghi tên hạng mục mua sắm theo thông báo mời chào hàng]

Kính gửi: Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà cung cấp], cam kết thực hiện hạng mục mua sắm _____ [Ghi tên hạng mục mua sắm] theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của hạng mục mua sắm].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà cung cấp chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong quá trình chào hàng.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong khi tham dự hạng mục này.
5. Không đang tranh chấp, khiếu kiện, xung đột quyền lợi với Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam-CTCP.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện cung cấp hàng hóa theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm nộp hồ sơ chào giá].

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

STT	Nội dung	Giá chào
1	Hàng hoá	(M)
2	Dịch vụ liên quan	(I)
Tổng cộng giá chào		(M) + (I)

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

525-06
 VG
 3 QUỐC T
 1 NHẤT
 NG CÔNG
 3 KHÔNG
 -CTCP
 Ô CHÍ N

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

1	2	3	4	5	6	7
STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (chưa VAT)	Thành tiền (chưa VAT) (Cột 4x6)
1	Hàng hoá thứ 1					M1
2	Hàng hoá thứ 2					M2
						
n	Hàng hoá thứ n					Mn
VAT 10%						
Tổng cộng giá chào của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)						$M=M1+M2+...+Mn$

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

